TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP** Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST Ngày: 30-01-2026 V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Vân;
- Ông Cao Văn Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Hải Ân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Võ Đình L, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Huỳnh Ngọc T trình bày:

Chị và anh Võ Đình L tiến đến hôn nhân tự nguyện, quen nhau khoảng 1,5 năm thì tổ chức đám cưới năm 2019. Sau khi cưới, chị về sống cùng gia đình anh L. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Lập cờ bạc, rượu chè, nợ nần, lên mạng tìm

những người phụ nữ khác để tiếp cận, nói chuyện. Anh L nói chuyện qua mạng xã hội, gửi hình ảnh khỏa thân của anh L cho người khác. Chị đã nói với anh L nhiều lần nhưng anh L không thay đổi, chị có nhờ bạn nói chuyện qua mạng xã hội với anh L thì anh L gửi hình ảnh, video khỏa thân cho bạn chị nên chị có chụp lại và cho anh L xem. Do không sống được với nhau nên chị đã trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ giữa năm 2023 đến nay. Nay chị không còn thương anh L, vợ chồng không thể hàn gắng được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu Võ Huỳnh T1, sinh ngày 19-10-2020 và Võ Huỳnh L1, sinh ngày 17-9-2022. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con vì từ nhỏ đến giờ các cháu do chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, anh Võ Đình L trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời điểm quen nhau, kết hôn và thời gian, địa điểm chung sống lúc đầu. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị T nói không đúng, năm 2023 vợ chồng không có mâu thuẫn, đang sống bình thường thì chị T xin về gia đình để nuôi bà ngoại bị bệnh, sau đó bà ngoại mất thì chị ở luôn đến nay không trở về và nộp đơn ly hôn với anh. Việc anh có nói chuyện, gửi ảnh, video khỏa thân cho bạn chị T là có vì chị T nhờ người thử anh, không phải anh tự tìm. Theo anh, chị T thấy anh nợ nần nên muốn ly hôn. Nay anh còn thương chị T nhưng do vợ muốn ly hôn nên anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 cháu là Võ Huỳnh T1, sinh ngày 19-10-2020 và Võ Huỳnh L1, sinh ngày 17-9-2022. Phía chị T không đủ điều kiện nuôi con vì hiện ở nhà trọ, gia đình anh có đất, có vườn nên đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, anh yêu cầu chị T phải giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Huỳnh Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Anh Võ Đình L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, yêu cầu chị T phải giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng vì chị T không có điều kiện nuôi con tốt bằng anh, anh có vườn, có việc làm và có sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Huỳnh Ngọc T và anh Võ Đình L tranh chấp về ly hôn; anh L cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Võ Đình L và chị Huỳnh Ngọc T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 21-5-2020. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, xét sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh L thống nhất có 02 con chung là cháu Võ Huỳnh T1, sinh ngày 19-10-2020 và Võ Huỳnh L1, sinh ngày 17-9-2022. Hai con hiện nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng; anh L yêu cầu chị T phải giao hai con cho anh nuôi vì chị T không có điều kiện nuôi con tốt bằng anh. Xét yêu cầu của chị T, anh L, Hội đồng xét xử xét thấy: Các cháu T1, L1 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau, bắt đầu từ giữa năm 2023 đến nay, trong thời gian chị T nuôi con các cháu được chăm sóc và phát triển bình thường. Chị T, anh L đều thừa nhận cả hai bên đều có điều kiện nuôi con, anh L cho rằng mình có điều kiện nuôi con tốt hơn chị T nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và cũng không chứng minh được chị T nuôi con không tốt. Để đảm bảo sự ổn định, tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu về vật chất, cũng như tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T1, cháu L1 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên chưa xét đến, nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh L đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc T.

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Huỳnh Ngọc T và anh Võ Đình L. Cho chị Huỳnh Ngọc T được ly hôn với anh Võ Đình L.

- Về con chung:

+ Giao cháu Võ Huỳnh T1, sinh ngày 19-10-2020 và Võ Huỳnh L1, sinh ngày 17-9-2022 cho chị Huỳnh Ngọc T là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

+ Anh Võ Đình L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Huỳnh Ngọc T chưa yêu cầu.

+ Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

+ Vì quyền lợi của con chung, đương sự có quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con; thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009315 ngày 28-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên xem như đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Ngọc T, anh Võ Đình L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường T, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực